|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN THANH OAI  **TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO DƯƠNG**    Số: 155/KH- THCD | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**    *Cao Dương, ngày 7 tháng 9 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023 - 2024**

Căn cứ Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 31/8/2023 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Thực hiện công văn hướng dẫn số: 3195/SGDĐT-GDTH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2023- 2024;

Thực hiện kế hoạch số 612/KH-PGDĐT ngày 01/9/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo Thanh Oai về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023- 2024.

Trường Tiểu học Cao Dương xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 với các nội dung như sau:

**A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**I. Cán bộ, giáo viên:**

**Tổng số cán bộ giáo viên nhân viên: 50 đồng chí, nữ 48 đồng chí.**

**Cán bộ quản lí: 3; Nữ 2; Đại học 3**

**Giáo viên: 39; trong đó nữ 37 đồng chí; Đại học 32; cao đẳng 7**

**Nhân viên 8; trong đó nữ 8; Đại học 1; cao đẳng 3; trung cấp 4.**

**II. Học sinh:**

**Năm học 2023-2024 nhà trường có tổng số 1025 học sinh trong đó số học sinh nữ là 480 em ở các khối lớp như sau:**

- Khối 1: 05 lớp, 176 học sinh.

- Khối 2: 06 lớp, 190 học sinh.

- Khối 3: 06 lớp, 205 học sinh.

- Khối 4: 06 lớp, 227 học sinh.

- Khối 5: 05 lớp, 227 học sinh.

**III.Cơ sở vật chất.**

Ngay từ đầu tháng 8 nhà trường đã rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu đối với lớp 4 theo lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

**B. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:**

**I. Thuận lợi:**

Đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn tốt, nhiệt tình công tác, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tích cực tự rèn luyện chuyên môn, có ý thức vươn lên, có tinh thần đoàn kết và ý thức khắc phục khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhận thức về vai trò giáo dục, tình hình kinh tế - xã hội của nhân dân địa phương đã được nâng cao nên ảnh hưởng tích cực tới đời sống giáo dục và hoạt động của nhà trường.

Cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, các lực lượng xã hội và cha mẹ học sinh quan tâm chăm lo công tác giáo dục, các cuộc vận động, phong trào thi đua trong trường thu hút sự quan tâm của xã hội.

Nền nếp, kỷ cương và chất lượng giáo dục của nhà trường ổn định vững chắc. Vị trí của trường đang được nâng lên, là chỗ dựa vững chắc, tin tưởng của cha mẹ học sinh và địa phương.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường khang trang sạch đẹp, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập.

**II. Khó khăn:**

Tình hình kinh tế - xã hội của nhân dân địa phương tuy đã được cải thiện, song chưa đồng đều .

Nhiều gia đình đi làm ăn xa quê, con em thiếu sự chăm sóc, quản lý của cha mẹ nên có ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Dịch bệnh Covid-19, nhiều gia đình công việc không ổn định, dẫn đến thu nhập thất thường.

Nhà trường thiếu 03 GV môn cơ bản nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

**C. NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT VÀ TỒN TẠI CƠ BẢN CẦN KHẮC PHỤC.**

**I. Những thành tích nổi bật cần phát huy (thành tích nổi bật về giáo viên, học sinh và các nhiệm vụ khác)**

- Trường được nhận Bằng khen xuất sắc của UBND thành phố.

- Chi bộ đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Thư viện giữ vững danh hiệu Thư viện tiên tiến.

- Công đoàn được LĐLĐ huyện khen thưởng.

- Liên đội đạt Liên đội mạnh cấp thành phố.

- Trường có chất lượng giáo dục tốt; giáo viên dạy giỏi đạt giải cao; phong trào viết SKKN tốt, nhiều SKKN đạt giải cấp huyện; chất lượng học sinh đồng đều.

- Thi GVDG: môn cơ bản lớp 3 đạt giải Nhì cấp huyện; môn Tiếng Anh đạt giải Ba cấp huyện.

**II. Những tồn tại cần khắc phục:**

- Chưa có nhiều học sinh giỏi cấp huyện về TDTT cấp huyện;

- Đổi mới phương pháp dạy học trong giáo viên chưa được đồng đều.

**D. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023-2024**

**I. Nhiệm vụ chung**

1. Nhà trường chủ động tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 bảo đảm an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định phù hợp với thực tế ở địa phương.

2. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của bộ trưởng bộ giáo dục (chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/52006 (chương trình giáo dục phổ thông 2006) đối với lớp 5. Tăng cường nền nếp, kỉ cương nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục, chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của các cấp.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí, bồi dưỡng cho giáo viên để có đủ giáo viên đạt chuẩn đảm bảo chất lượng dạy học các môn học , hoat động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo tiêu chuẩn nghề nghiệp; bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Tổ chức rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch theo lộ trình để giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ theo quy các định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm;

Thực hiện các giải pháp để chuẩn bị đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ dạy tiểu học năm học 2023-2024; xác định lộ trình cụ thể để đề xuất cấp trên bố trí đủ giáo viên.

4. Thực hiện rà soát quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục ở cấp tiểu học theo nguyên tắc tạo thuận lợi học tập cho học sinh, gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Bảo đảm đủ phòng học, đủ giáo viên theo quy định, quan tâm tới việc giảm sĩ số học sinh/lớp để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chất lượng. Sử dụng các công trình trường, lớp học, nhà vệ sinh bảo đảm an toàn theo quy định.

Nhà trường thực hiện theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh và các đoàn thể tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

5. Tích cực đổi mới công tác quản lý, đổi mới nội dung phương pháp, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, khuyến khích sự sáng tạo và đề cao trách nhiệm của nhà giáo và cán bộ quản lý. Nâng cao vai trò trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo, mỗi thầy cô giáo phải thực sự là một tấm gương sáng tạo cho học sinh noi theo.

Nhà trường thực hiện theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh và các đoàn thể tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

**II. Nhiệm vụ cụ thể:**

**1.Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trường học:**

Nhà trường chủ động tích cực kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 bảo đảm an toàn trường học, đồng thời thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì và nâng cao chât lượng giáo dục.

Chuẩn bị tốt các phương án đảm bảo an toàn, phòng, chống dịch bệnh nâng cao ý thức, trách nhiệm và tăng cường các biện pháp phòng chống dịch; duy trì vệ sinh môi trường, bảo đảm phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh trong nhà trường và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý.

Nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước, thực hiện kiên trì mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục.

**2.Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục:**

Năm học 2023-2024 là năm học thứ tư giáo dục tiểu học thực hiện song song hai chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (lớp 5) và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4).

**3.Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,4**

Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường (Số 155/KH-THCD ngày 07/9/2023). Việc tổ chức dạy học lớp 1, lớp 2; lớp 3 và lớp 4 tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

Năm học 2023 - 2024 là năm học đầu tiên lớp 4 học theo Chương trình GDPT mới. Vì vậy, nhà trường đặc biệt quan tâm tới phương pháp dạy - học của GV và HS lớp 4. Nhà trường phân công giáo viên dạy học lớp 4 năm học 2023-2024 để tập trung bồi dưỡng, đảm bảo 100% giáo viên dạy học lớp 4 được bồi dưỡng về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hướng dẫn sử dụng SGK lớp 4.

Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc quy định tại CTGDPT 2018 (gọi chung là các môn học bắt buộc): Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Hoạt động trải nghiệm, Công nghệ (lớp 4), Tin học (lớp 4), Tiếng Anh. Các môn học tự chọn: Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh đối với lớp 1; 2). Các hoạt động củng cố để hoàn thành nội dung học tập theo mục tiêu, yêu cầu của CTGDPT 2018 và bồi dưỡng, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

Các hoạt động giáo dục khác đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh: Các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương...

Thời lượng dạy học*:* Nhà trường tổ chức 100% các lớp học 2 buổi/ngày (10 buổi/tuần), mỗi ngày 07 tiết học (35 tiết/tuần), mỗi tiết 35 phút.

**4. Thực hiện chương trình đối với lớp 5.**

Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các nội dung giáo dục tự chọn và các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương: đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 2 buổi/ngày; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh. Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kĩ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh, trong đó cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh hiệu quả, thiết thực.

Điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh ở địa phương, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung quá khó, chưa thực sự cấp thiết đối với học sinh tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Sắp xếp Thời khóa biểu một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục địa phương ở cấp tiểu học trên tinh thần tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện nghiêm túc quy định về việc không được dạy học trước chương trình lớp 1; thực hiện nghiêm túc việc chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm. Nhà trường tinh giản các cuộc thi dành cho giáo viên và học sinh theo Công văn số 1915/BGDĐT-GDTrH ngày 05/5/2017.

Khuyến khích các tổ, khối tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến theo các mô hình giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch giáo dục cá nhân một cách phù hợp với thực tế của địa phương.

**5. Tổ chức dạy ngoại ngữ, Tin học theo chương trình cấp Tiểu học và giáo dục kỹ năng công dân số.**

**5.1. Tổ chức dạy học các môn ngoại ngữ 1**

\* Đối với lớp 3,4: Dạy theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và dạy liên kết 1 tiết tiếng anh người nước ngoài để học sinh được giáo tiếp với người nước ngoài các em được giao lưu học hỏi, rèn luyện kĩ năng nghe, nói, đọc, viết..

\* Đối với lớp 1,2: Nhà trường liên kết với công ty DREAM SKY dạy cho các em 2 tiết/tuần trong đó có 1 tiết người nước ngoài dạy và 1 tiết người Việt dạy.

\* Đối với lớp 5: Nhà trường tiếp tục cho học sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông 2006 và liên kết 1 tiết/tuần Tiếng Anh người nước ngoài.

**5.2.Tổ chức dạy môn Tin học:**

Nhà trường tổ chức dạy học môn Tin học cho 100% học sinh lớp 3,4 theo yêu cầu trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tổ chức các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh lớp 3,4,5 và trong các năm học tiếp theo sẽ tạo cơ hội cho học sinh lớp 1,2 được tiếp cận giáo dục tin học.

100% học sinh lớp 5 được học Tin học 2 tiết/tuần theo chương trình giáo dục phổ thông 2006.

Tiếp tục đẩy mạnh tổ chức dạy học môn Tin học với học sinh lớp 3, 4 (thời lượng 01 tiết/tuần) và Tin học tự chọn với học sinh khối 5 và tăng cường tổ chức các cuộc thi trên mạng Internet cho học sinh lớp 1, lớp 2.

Tham mưu với cơ quan có thẩm quyền xây dựng đề án, kế hoạch chuẩn bị tốt điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo được tập huấn, bồi dưỡng theo quy định.

**5.3. Tổ chức nội dung giáo dục công dân số:**

Nhà trường thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy thông qua môn Tin học, tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức các môn học hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của bộ giáo dục.

**6. Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục “ Địa phương em” và tổ chức dạy học nội dung này theo chương trình giáo dục phổ thông 2018**

**7. Dạy học nội dung giáo dục“ Địa phương em” theo CT GDPT 2018**

Nhà trường tổ chức thực hiện dạy học nội dung giáo dục “địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 đảm bảo đúng nguyên tắc xây dựng chương trình của môn học và tổ chức đánh giá học sinh như các mạch nội dung khác trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nhà trường triển khai thực hiện tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1,2,3 đã được phê duyệt. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương với lớp 4 theo chỉ đạo của cấp trên.

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn tại công văn số 3036/BGD-GDTH ngày 20/7/2021 của bộ giáo dục.

**8. Tổ chức dạy học giáo dục Stem:**

Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học các môn học hoạt động giáo dục thực hiện giáo dục STEM có kế hoạch riêng cho từng khối lớp, từng môn học.

**9. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.**

**9.1.Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:**

Tiếp tục triển khai thực hiện giáo dục học sinh theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo. Nhà trường tập huấn các chuyên đề về đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học.

Vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tiếp tục triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột. Để phương pháp Bàn tay nặn bột hiệu quả, nhà trường chú trọng chủ động thực hiện sắp xếp lại nội dung dạy học một cách phù hợp, thuận lợi.

Thực hiện dạy học Mĩ thuật theo hướng dẫn tại công văn số 2070/ BGDĐT- GDTH ngày 12/5/2016, khuyến khích giáo viên thiết kế nội dung học tập bằng cách sắp xếp lại từ các bài học riêng lẻ trong sách giáo khoa thành từng bài học theo chủ đề.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường (2 tuần/lần) và cụm trường (các môn chuyên biệt 1 tháng/lần); chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 và Hướng dẫn số 333/PGDĐT ngày 06/7/2020 của phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai.

**9.2. Phương pháp và hình thức đánh giá.**

\* Đối với học sinh tiểu học thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (lớp 5):

Tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

\* Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

\* Đánh giá học sinh dựa trên nguyên tắc:

Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định; tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

**10. Tổ chức dạy 2 buổi/ngày, bán trú và giáo dục ngoài giờ lên lớp**

**10.1. Tổ chức dạy học 02 buổi /ngày:**

Về kế hoạch giáo dục: Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 2 buổi/ngày. Kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Thời khóa biểu của nhà trường được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Về tổ chức cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày: Căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, nhà trường tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày.

**10.2. Kế hoạch tổ chức bán trú:**

- Nhà trường kí hợp đồng với Công ty TNHH chế biến xuất ăn công nghiệp Hà Nội với đội ngũ nhân viên bếp chuyên nghiệp, tay nghề cao nấu ăn phục vụ học sinh theo thực đơn của nhà trường.

- Nhà trường bố trí cơ sở vật đảm bảo thuận lợi cho việc tổ chức ăn ngủ cho học sinh. Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, được trang bị đầy đủ CSVC đảm bảo VSATTP.

- Đội ngũ giáo viên và nhân viên chăm sóc có tinh thần trách nhiệm cao, quan tâm, chăm sóc học sinh.

**10.3. Tổ chức các hoạt động sau giờ chính khoá:**

Tăng cường thực hiện tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn tại Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019. Tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục kĩ năng tài chính cá nhân, … lồng ghép qua các giờ học và các giờ Hoạt động tập thể.

Tích hợp giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm. Tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 theo hướng dẫn tại Công văn số 3866/BGDDT-GDTH ngày 26/8/2019.

Tăng cường công tác truyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học; tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông; đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và văn hóa giao thông vào trong chương trình chính khóa dưới hình thức tích hợp vào nội dung các môn học và hoạt động giáo dục.

Xây dựng thư viện theo hướng mở, tổ chức nhiều hoạt động trên thư viện, trang bị thêm nhiều đầu sách phục vụ cho nhu cầu đọc của giáo viên và học sinh, phù hợp với đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

**11. Tham gia các cuộc thi:**

11.1. Đối với các cuộc thi của giáo viên

Chỉ tiêu: Đạt 1 giải Nhất, 1 giải Nhì thi giáo viên giỏi cấp huyện.

-Tích cực khuyến khích các đồng chí giáo viên tự bồi dưỡng nội dung phương pháp, bồi dưỡng nâng cao chất lượng dạy và học khuyến khích sự sáng tạo, đề cao trách nhiệm của mỗi đồng chí giáo viên trong công tác giảng dạy.

- Có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể hàng tháng trong các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ khối để tìm ra phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng môn học.

11.2. Đối với các cuộc giao lưu của học sinh:

Thi chữ đẹp tuổi thơ: 8 học sinh dự thi

Thi viết chữ đẹp: đạt 6 giải nhất; 8 giải nhì; 3 giải ba cấp huyện.

Thi đấu trường Toán học: đạt 5 giải vàng; 5 giải bạc; 18 giải đồng;

Thi Olympic Tiếng Anh cấp huyện: 01 giải Nhất, đạt 2 giải nhì; 2 giải ba.

**12. Công tác kiểm định chất lượng, xây dựng trường chuẩn**

**1. Chỉ tiêu:**

- Phấn đấu đạt kiểm định mức độ 3 và trường chuẩn quốc gia mức độ II.

**2. Các biện pháp thực hiện.**

**-** Tiếp tục cập nhật các minh chứng, phân công rõ trách nhiệm cho người quản lý các minh chứng, lưu trữ hồ sơ khoa học, xây dựng rõ kế hoạch thực hiện theo từng tháng.

- Kết hợp chặt chẽ với UBND xã tham mưu với cấp có thẩm quyền đẩy nhanh tiến độ cấp đủ diện tích đất cho nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II năm 2023.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Nhàn; Chức vụ: Hiệu trưởng.***

**13. Công tác phổ cập:**

***\* Tiêu chí 1 :***

- Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp đạt 100%

- Phấn đấu trẻ 11 tuổi HTCTTH đạt 99 %

- Phấn đấu trẻ 14 tuổi HTCTTH đạt 100%.

- Xóa mù chữ, tái mù độ tuổi từ 15 - 35 tuổi : 0%

***\* Tiêu chí 2 :***

Đảm bảo đủ tỷ lệ giáo viên lên lớp 1,39 giáo viên/lớp.

***\* Tiêu chí 3 : Cơ sở vật chất :***

- Giữ vững số lượng học sinh, số lớp được giao theo kế hoạch.

- 100% số lớp có bảng chống loá, có đủ áng sáng, quạt mát.

- Đảm bảo có đủ phòng học kiên cố.

**2. Các biện pháp thực hiện.**

- Làm tốt công tác tuyên truyền tới toàn dân về công tác phổ cập là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người.

- Tham mưu với Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND xã chăm lo cơ sở vật chất bàn ghế đảm bảo qui chuẩn cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện hạn chế học sinh lưu ban. Có biện pháp phối kết hợp với các Đoàn thể địa phương để không có tình trạng học sinh bỏ học.

***Người phụ trách: Lê Xuân Trọng; Chức vụ: Phó hiệu trưởng***

**14. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục**

- Nhà trường tổ chức cho học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn học hoà nhập, giáo viên cũng như ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm, động viên các em để các em có hướng phấn đấu trong học tập.

**15. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

**15.1. Phát triển đội ngũ giáo viên:**

-Bồi dưỡng cán bộ quản lí và giáo viên, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp.

-Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo.

-Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo tiêu chuẩn nghề nghiệp; bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

-Tổ chức rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch theo lộ trình để giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ theo quy các định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

**15.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ**

-Thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm;

-Thực hiện các giải pháp để chuẩn bị đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ dạy tiểu học bắt đầu từ năm học 2022-2023; xác định lộ trình cụ thể để đề xuất cấp trên bố trí đủ giáo viên.

**15.3. Đảm bảo CSVC, thiết bị dạy học:**

-Tích cực tham mưu với UBND xã Cao Dương đề nghị cấp trên cấp thêm diện tích đất cho nhà trường đảm bảo đủ diện tích xây dựng trường đạt chuẩn mức độ II; đẩy mạnh công tác chỉ đạo xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ II; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học nhất là ở khối 3 và khối 4.

**16. Lựa chọn, triển khai sách giáo khoa**

- Nhà trường họp các đồng chí tổ trưởng, giáo viên dạy lớp 4 cùng ban giám hiệu lựa chọn bộ sách giáo khoa lớp 4 sau đó họp toàn thể giáo viên thông qua việc chọ bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống.

- Triển khai đến toàn thể giáo viên và yêu cầu các đồng chí tham khảo trước, tập huấn đầy đủ các buổi do phòng giáo dục tổ chức.

**17. Công tác quản lý, quản trị trường học**

17.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo các điều kiện để thực hiện mục tiêu giáo dục.

17.2. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo các điều kiện để thực hiện mục tiêu giáo dục. 100% cán bộ giáo viên và nhân viên sử dụng thành thạo CNTT.

17.3. Đa dạng hoá các mô hình tổ chức dạy học:

- Dạy học theo phương pháp mới, sử dụng các hình thức tổ chức dạy học đa dạng ở tất cả các khối lớp.

17.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua, khen thưởng:

- 100% các đồng chí GV được kiểm tra; 30% giáo viên được kiểm tra toàn diện; công tác thi đua khen thưởng được nhà trường coi trọng, khen thưởng kịp thời cho CBGVNV và học sinh đảm bảo công bằng, khách quan.

17.5. Công tác thông tin, báo cáo:

- Đảm bảo chế độ thông tin báo cáo đúng quy định.

17.6. Thực hiện phong trào “ Nhà trường cùng chung tay phát triển- Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm”:

Nhà trường đã kết nghĩa với trường Tiểu học Cổ Nhuế 2 quận Nam Từ Liêm, cùng chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi giúp đỡ nhau trong công tác Sinh hoạt chuyên môn và các phong trào thi đua nhằm nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn và các hoạt động giáo dục khác.

17.7. Công tác truyền thông:

- Nhà trường luôn làm tốt công tác tuyên truyền đến CBGVNV và học sinh các nội quy, quy định của nhà trường, của cấp trên.

**III. Chỉ tiêu thi đua của giáo viên:**

**1. Các chỉ tiêu:**

**1.1. Tập thể:**

- Chi bộ đạt: Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Công đoàn: Vững mạnh xuất sắc.

- Chi đoàn: Xuất sắc cấp huyện.

- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

- Trường đạt Danh hiệu trường học thân thiện, học sinh tích cực: Giữ vững.

- Trường đạt cơ quan văn hoá: Giữ vững.

- Tập thể Lao động Xuất sắc: Giữ vững.

- Trường VSCĐ: Giữ vững.

- Trường Xanh - Sạch - Đẹp – An toàn – Thân thiện: Giữ vững.

- Liên đội mạnh cấp: Thành phố.

**1.2. Cá nhân:**

- Số LĐTT: 50 đ/c đạt: 100%

- Số CSTĐ cơ sở (là quản lý): 01 đ/c đạt: 2%

- Số CSTĐ cơ sở (là giáo viên): 04 đ/c đạt 8%

- Số CSTĐ cơ sở (là nhân viên): 01 đ/c đạt 2%

**1.3 . Các biện pháp thực hiện**

Tăng cường công tác giáo dục truyền thống đối với cán bộ, giáo viên, học sinh, qua đó để mọi người thấy tự hào và có trách nhiệm xây dựng tập thể nhà trường vững bước tiến lên. BGH phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho mỗi thành viên.

Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học một cách cụ thể chi tiết theo các nhiệm vụ cụ thể được giao.

Có tiêu chí, quy chế thi đua khen thưởng kịp thời, hợp lý, công bằng khách quan đúng người, đúng việc để động viên cán bộ giáo viên, học sinh tích cực phấn đấu.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Nhàn; Chức vụ: Hiệu trưởng***

**IV. Chỉ tiêu thi đua của học sinh**

**1. Chất lượng giáo dục**:

**1.1.Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 1,2,3,4 theo TT27/2020**)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học** | | | | | **TS HS được đánh giá** | **Hoàn thành Tốt** | | | | | | | | | | **Hoàn thành** | | | | | | | | | **Chưa hoàn thành** | | | | | | | | | | | |
| **Số lượng** | | | | | **Tỷ lệ** | | | | | **Số lượng** | | | | | | **Tỷ lệ** | | | **Số lượng** | | | | | | | **Tỷ lệ** | | | | |
| **Khối 1** | | | | | |  |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | |  | | | | | | |  | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 2 | Toán | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 5 | Âm nhạc | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 6 | Mĩ thuật | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 7 | GDTC | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 8 | HĐTN | | | | | 176 | 95 | | | | | 54,0 | | | | | 81 | | | | | | 46,0 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| **Khối 2** | | | | | |  |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | |  | | | | | | |  | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 2 | Toán | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 5 | Âm nhạc | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 6 | Mĩ thuật | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 7 | GDTC | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 8 | HĐTN | | | | | 190 | 102 | | | | | 53,7 | | | | | 88 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| **Khối 3** | | | | | |  |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | |  | | | | | | |  | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 2 | Toán | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 5 | Âm nhạc | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 6 | Mĩ thuật | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 7 | GDTC | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 8 | HĐTN | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 9 | Công nghệ | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 10 | Tin học | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 11 | Tiếng Anh | | | | | 205 | 110 | | | | | 53,7 | | | | | 95 | | | | | | 46,3 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| **Khối 4** | | | | | |  |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |  | | |  | | | | | | |  | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 2 | Toán | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 3 | Dạo Đức | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 4 | Khoa học | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 5 | L/Sử và Địa Lý | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 6 | Tiếng Anh | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 7 | GDTC | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 8 | Mĩ thuật | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 9 | Am nhạc | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 10 | HĐTN | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 11 | Tin học | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| 12 | Công nghệ | | | | | 227 | 123 | | | | | 54,2 | | | | | 104 | | | | | | 45,8 | | | 0 | | | | | | | 0 | | | | |
| **1.2. Đánh giá về phẩm chất năng lực** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **a. Những phẩm chất chủ yếu** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung phẩm chất** | | | | | **TS HS được đánh giá** | | | | **Xếp loại** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tốt** | | | | | | | | | | **Đạt** | | | | | | | | | **Cần cố gắng** | | | | | |
| **SL** | | | | | | **%** | | | **SL** | | **%** | | | | | | | **SL** | | | **%** | | | | |
| **Khối 1** | | | | |  | | | |  | | | | | |  | | |  | |  | | | | | | |  | | |  | | | | |
| Yêu nước | | | | | **176** | | | | 110 | | | | | | 62,5 | | | 66 | | 37,5 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Nhân ái | | | | | **176** | | | | 110 | | | | | | 62,5 | | | 66 | | 37,5 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Chăm chỉ | | | | | **176** | | | | 110 | | | | | | 62,5 | | | 66 | | 37,5 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trung thực | | | | | **176** | | | | 110 | | | | | | 62,5 | | | 66 | | 37,5 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trách nhiệm | | | | | **176** | | | | 110 | | | | | | 62,5 | | | 66 | | 37,5 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| **Khối 2** | | | | |  | | | |  | | | | | |  | | |  | |  | | | | | | |  | | |  | | | | |
| Yêu nước | | | | | **190** | | | | 119 | | | | | | 62,6 | | | 71 | | 37,3 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Nhân ái | | | | | **190** | | | | 119 | | | | | | 62,6 | | | 71 | | 37,3 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Chăm chỉ | | | | | **190** | | | | 119 | | | | | | 62,6 | | | 71 | | 37,3 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trung thực | | | | | **190** | | | | 119 | | | | | | 62,6 | | | 71 | | 37,3 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trách nhiệm | | | | | **190** | | | | 119 | | | | | | 62,6 | | | 71 | | 37,3 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| **Khối 3** | | | | |  | | | |  | | | | | |  | | |  | |  | | | | | | |  | | |  | | | | |
| Yêu nước | | | | | **205** | | | | 128 | | | | | | 62,4 | | | 77 | | 37,6 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Nhân ái | | | | | **205** | | | | 128 | | | | | | 62,4 | | | 77 | | 37,6 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Chăm chỉ | | | | | **205** | | | | 128 | | | | | | 62,4 | | | 77 | | 37,6 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trung thực | | | | | **205** | | | | 128 | | | | | | 62,4 | | | 77 | | 37,6 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trách nhiệm | | | | | **205** | | | | 128 | | | | | | 62,4 | | | 77 | | 37,6 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| **Khối 4** | | | | |  | | | |  | | | | | |  | | |  | |  | | | | | | |  | | |  | | | | |
| Yêu nước | | | | | **227** | | | | 145 | | | | | | 63,9 | | | 82 | | 36,1 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Nhân ái | | | | | **227** | | | | 145 | | | | | | 63,9 | | | 82 | | 36,1 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Chăm chỉ | | | | | **227** | | | | 145 | | | | | | 63,9 | | | 82 | | 36,1 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trung thực | | | | | **227** | | | | 145 | | | | | | 63,9 | | | 82 | | 36,1 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| Trách nhiệm | | | | | **227** | | | | 145 | | | | | | 63,9 | | | 82 | | 36,1 | | | | | | | 0 | | | - | | | | |
| **b. Những năng lực cốt lõi:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **\* Những năng lực chung** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung phẩm chất** | | | | **TS HS được đánh giá** | | | | **Xếp loại** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tốt | | | | | | Đạt | | | | | | | | Cần cố gắng | | | | | | | | | |
| SL | | | % | | | SL | | | | % | | | | SL | | | % | | | | | |
| **Khối 1** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Tự chủ và tự học | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| Giao tiếp và hợp tác | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| GQVĐ và sáng tạo | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| **Khối 2** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Tự chủ và tự học | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| Giao tiếp và hợp tác | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| GQVĐ và sáng tạo | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| **Khối 3** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Tự chủ và tự học | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| Giao tiếp và hợp tác | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| GQVĐ và sáng tạo | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| **Khối 4** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Tự chủ và Tự học | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| Giao tiếp và hợp tác | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| GQVĐ và sáng tạo | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | | 0 | | | - | | | | | |
| **\* Những năng lực đặc thù** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung phẩm chất** | | | | **TS HS được đánh giá** | | | | **Xếp loại** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tốt | | | | | | Đạt | | | | | | | | Cần cố gắng | | | | | | | | | |
| SL | | | % | | | SL | | | | % | | | | SL | | | % | | | | | |
| **Khối 1** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Ngôn ngữ | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | |  | | | - | | | | | |
| Tính toán | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | |  | | | - | | | | | |
| Khoa học | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thẩm mĩ | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thể chất | | | | **176** | | | | 95 | | | 54,0 | | | 81 | | | | 46,0 | | | |  | | | - | | | | | |
| **Khối 2** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Ngôn ngữ | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Tính toán | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Khoa học | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thẩm mĩ | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thể chất | | | | **190** | | | | 102 | | | 53,7 | | | 88 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| **Khối 3** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Ngôn ngữ | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Tính toán | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Khoa học | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thẩm mĩ | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thể chất | | | | **205** | | | | 110 | | | 53,7 | | | 95 | | | | 46,3 | | | |  | | | - | | | | | |
| **Khối 4** | | | |  | | | |  | | |  | | |  | | | |  | | | |  | | |  | | | | | |
| Ngôn ngữ | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | |  | | | - | | | | | |
| Tính toán | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | |  | | | - | | | | | |
| Khoa học | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thẩm mĩ | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | |  | | | - | | | | | |
| Thể chất | | | | **227** | | | | 123 | | | 54,2 | | | 104 | | | | 45,8 | | | |  | | | - | | | | | |
| ***\*Đánh giá Năng lực, phẩm chất cuối năm đối với khối 5:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng số HS** | | **Nội dung** | | | | | | | | **Tốt** | | | | | | **Đạt** | | | | | | | | **CCG** | | | | | | | | | | | |
| **SL** | | | **%** | | | **SL** | | | | | **%** | | | **SL** | | | | | **%** | | | | | | |
| Khối 5 | | Năng lực | Tự phục vụ, tự quản | | | | | | | 140 | | | 61.7 | | | 87 | | | | | 38.3 | | | - | | | | | 0 | | | | | | |
| Hợp tác | | | | | | | 140 | | | 61.7 | | | 87 | | | | | 38.3 | | | - | | | | | 0 | | | | | | |
| Tự học, GQVĐ | | | | | | | 140 | | | 61.7 | | | 87 | | | | | 38.3 | | | - | | | | | 0 | | | | | | |
| Phẩm chất | Chăm học, chăm làm | | | | | | | 140 | | | 61.7 | | | 87 | | | | | 38.3 | | | - | | | | | 0 | | | | | | |
| Tự tin, trách nhiệm | | | | | | | 140 | | | 61.7 | | | 87 | | | | | 38.3 | | | - | | | | | 0 | | | | | | |
| Trung thực kỉ luật | | | | | | | 140 | | | 61.7 | | | 87 | | | | | 38.3 | | | - | | | | | 0 | | | | | | |
| Đoàn kết, yêu thương | | | | | | | 140 | | | 61.7 | | | 87 | | | | | 38.3 | | | - | | | | | 0 | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***\*Các môn đánh giá bằng điểm số*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *Khối/lớp* | | ***Tổng số*** | ***Hoàn thành tốt*** | | | | ***Hoàn thành*** | | | | | | | | ***Chưa HT*** | |
| ***Điểm 10*** | | ***Điểm 9*** | | ***Điểm 8*** | | ***Điểm 7*** | | ***Điểm 6*** | | ***Điểm 5*** | | ***Điểm dưới 5*** | |
| ***HS*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** |
| 1 | Toán | **176** | 45 | 25,6 | 49 | 27,8 | 46 | 26,1 | 15 | 8,5 | 11 | 6,3 | 10 | 5,7 | 0 | - |
| T.Việt | **176** | 45 | 25,6 | 49 | 27,8 | 46 | 26,1 | 15 | 8,5 | 11 | 6,3 | 10 | 5,7 | 0 | - |
| 2 | Toán | **190** | 50 | 26,3 | 44 | 23,2 | 50 | 26,3 | 26 | 13,7 | 12 | 6,3 | 8 | 4,2 | 0 | - |
| T.Việt | **190** | 50 | 26,3 | 44 | 23,2 | 50 | 26,3 | 26 | 13,7 | 12 | 6,3 | 8 | 4,2 | 0 | - |
| 3 | Toán | **205** | 51 | 24,9 | 44 | 21,5 | 54 | 26,3 | 31 | 15,1 | 18 | 8,8 | 7 | 3,4 | 0 | - |
| T.Việt | **205** | 51 | 24,9 | 44 | 21,5 | 54 | 26,3 | 31 | 15,1 | 18 | 8,8 | 7 | 3,4 | 0 | - |
| Tin học | **205** | 51 | 24,9 | 44 | 21,5 | 54 | 26,3 | 31 | 15,1 | 18 | 8,8 | 7 | 3,4 | 0 | - |
| T. Anh | **205** | 51 | 24,9 | 44 | 21,5 | 54 | 26,3 | 31 | 15,1 | 18 | 8,8 | 7 | 3,4 | 0 | - |
| 4 | Toán | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 45 | 19,8 | 48 | 21,1 | 22 | 9,7 | 16 | 7,0 | 0 | - |
| T.Việt | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 45 | 19,8 | 48 | 21,1 | 22 | 9,7 | 16 | 7,0 | 0 | - |
| Khoa | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 45 | 19,8 | 48 | 21,1 | 22 | 9,7 | 16 | 7,0 | 0 | - |
| Sử+ Địa | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 45 | 19,8 | 48 | 21,1 | 22 | 9,7 | 16 | 7,0 | 0 | - |
| Tin học | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 45 | 19,8 | 48 | 21,1 | 22 | 9,7 | 16 | 7,0 | 0 | - |
| T. Anh | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 45 | 19,8 | 48 | 21,1 | 22 | 9,7 | 16 | 7,0 | 0 | - |
| 5 | Toán | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 43 | 18,9 | 50 | 22,0 | 20 | 8,8 | 18 | 7,9 | 0 | - |
| T.Việt | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 43 | 18,9 | 50 | 22,0 | 20 | 8,8 | 18 | 7,9 | 0 | - |
| Khoa | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 43 | 18,9 | 50 | 22,0 | 20 | 8,8 | 18 | 7,9 | 0 | - |
| Sử+ Địa | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 43 | 18,9 | 50 | 22,0 | 20 | 8,8 | 18 | 7,9 | 0 | - |
| Tin học | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 43 | 18,9 | 50 | 22,0 | 20 | 8,8 | 18 | 7,9 | 0 | - |
| T. Anh | **227** | 53 | 23,3 | 43 | 18,9 | 43 | 18,9 | 50 | 22,0 | 20 | 8,8 | 18 | 7,9 | 0 | - |
| ***Tổng*** | **Toán** | **1025** | **252** | **24,6** | **223** | **21,8** | **238** | **23,2** | **170** | **16,6** | **83** | **8,1** | **59** | **5,8** | **0** | - |
| **T.Việt** | **1025** | **252** | **24,6** | **223** | **21,8** | **238** | **23,2** | **170** | **16,6** | **83** | **8,1** | **59** | **5,8** | **0** | - |
| **Khoa** | **454** | **106** | **23,3** | **86** | **18,9** | **88** | **19,4** | **98** | **21,6** | **42** | **9,3** | **34** | **7,5** | **0** | - |
| **Sử+ Địa** | **454** | **106** | **23,3** | **86** | **18,9** | **88** | **19,4** | **98** | **21,6** | **42** | **9,3** | **34** | **7,5** | **0** | - |
| **T. Anh** | **659** | ***157*** | **23,9** | ***130*** | **19,7** | ***142*** | **21,5** | ***129*** | **19,6** | ***60*** | **9,1** | ***41*** | **6,2** | ***0*** | - |
| **Tin học** | **659** | **157** | **23,9** | **130** | **19,7** | **142** | **21,5** | **129** | **19,6** | **60** | **9,1** | **41** | **6,2** | **0** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***\*Các môn đánh giá bằng nhận xét:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Khối**  **lớp** | **Đánh giá bằng nhận xét** | **Tổng số HS** | **Đạo đức** | | **Khoa học** | | **Âm nhạc** | | **Mỹ thuật** | | **Kỹ thuật** | | | **Thể dục** | | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | | % |
| 5 | Hoàn thành tốt | 227 | 123 | 54.2 | 123 | 54.2 | 123 | 54.2 | 123 | 54.2 | 123 | 54.2 | 123 | | 54.2 |
| Hoàn thành | 104 | 45.8 | 104 | 45.8 | 104 | 45.8 | 104 | 45.8 | 104 | 45.8 | 104 | | 45.8 |
| Chưa hoàn thành | - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.3.Bồi dưỡng học sinh nổi trội.** | | | | | | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  |  |
| **Danh hiệu Học sinh** | **Khối** | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng cộng** | | | |  |  |
| **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | | **Khối 4** | | | | **Khối 5** | | | |  | | | |  |  |
| SL | % | SL | % | SL | % | | SL | | % | | SL | | % | | SL | | % | |  |  |
| Đấu trường Toán học | 5 | 2,8 | 5 | 2,6 | 6 | 2,9 | | 6 | | 2,6 | | 6 | | 2,6 | | 28 | | 2,7 | |  |  |
| Giao lưu chữ đẹp lớp 1,2,3 | 5 | 2,8 | 5 | 2,6 | 6 | 2,9 | |  | |  | |  | |  | | 16 | | 2,8 | |  |  |
| Giao lưu học sinh tiểu học |  |  |  |  |  |  | | 6 | | 2,6 | | 6 | | 2,6 | | 12 | | 2,6 | |  |  |
| Olympic Tiếng Anh huyện |  |  |  |  |  |  | | 5 | | 2,2 | | 6 | | 2,6 | | 11 | | 2,4 | |  |  |
| Olympic Tiếng Anh TP |  |  |  |  |  |  | |  | |  | | 1 | | 0,4 | | 1 | | 0,4 | |  |  |
| Khen thưởng HSHTXSNV | 95 | 54,0 | 102 | 53,7 | 110 | 53,7 | | 123 | | 54,2 | | 123 | | 54,2 | | 553 | | 54,0 | |  |  |
| HS khen vượt trội(từng mặt) | 116 | 65,9 | 113 | 59,5 | 110 | 53,7 | | 118 | | 52,0 | | 101 | | 44,5 | | 558 | | 54,4 | |  |  |
| HS đạt cháu ngoan Bác Hồ. | 176 | 100 | 190 | 100 | 205 | 100 | | 227 | | 100 | | 227 | | 100 | | 1025 | | 100 | |  |  |
| Lớp tiên tiến | 5 | 100 | 6 | 100 | 6 | 100 | | 6 | | 100 | | 5 | | 100 | | 28 | | 100 | |  |  |
| Lớp vở sạch chữ đẹp | 5 | 100 | 6 | 100 | 6 | 100 | | 6 | | 100 | | 5 | | 100 | | 28 | | 100 | |  |  |

\* Thi Tuyên truyền giới thiệu lịch sử địa phương: Phấn đấu đạt giải Nhì cấp huyện

**1.4.Các biện pháp thực hiện**

**V. Công tác phổ cập giáo dục và xoá mù chữ**

**1. Số lớp, số học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối  lớp | **Lớp 1** | | **Lớp 2** | | **Lớp 3** | | **Lớp 4** | | | **Lớp 5** | | | Toàn trường | | **So với KH** | |
| KH | TH | KH | TH | KH | TH | KH | TH | KH | | TH | KH | | TH | Tăng | Giảm |
| Số lớp | 5 | 5 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 5 | | 5 | 28 | | 28 | 0 | 0 |
| Số HS | 176 | 176 | 190 | 190 | 205 | 205 | 227 | 227 | 227 | | 227 | 1025 | | 1025 | 0 | 0 |

***2. Số lớp, số học sinh học 2 buổi/ngày. Số học sinh khuyết tật, lên lớp, thi lại và lưu ban.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Số  lớp | TSHS | Nữ | HS bán trú | | Học sinh 2 buổi/ ngày | | Số HS khuyết tật | Số HS Hoàn thành CTLH | Số HS thi lại | Ở lại lớp |
| Số lớp | Số HS | Số lớp | Số  HS |
| 1 | 5 | 176 | 83 | 5 | 29 | 5 | 176 |  | 98 | 5 | 3 |
| 2 | 6 | 190 | 82 | 6 | 31 | 6 | 190 |  | 99 | 2 | 0 |
| 3 | 6 | 205 | 93 | 6 | 8 | 6 | 205 |  | 99 | 3 | 0 |
| 4 | 6 | 227 | 116 | 6 | 7 | 6 | 227 |  | 100 | 1 | 0 |
| 5 | 5 | 227 | 107 | 5 | 5 | 5 | 227 |  | 100 | 2 | 0 |
| **Tổng** |  | **1025** | **481** | **28** | **80** | **28** | **1025** |  | **99** | **13** | **3** |

**3.Phát triển số lượng**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Sốlớp | TS  HS | Nữ | HS học 2 buổi/ngày | | HS ăn bán trú | | Học sinh khuyết tật | | Tỷlệ H/S HT CT lớp học | Dự kiến Tỷlệ H/S chưa hoàn thành CT lớp học |
| Tổng số | Số HS có hồ sơ KT |
| Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS |
| 1 | 5 | 176 | 83 | 5 | 176 | 5 | 29 |  |  | 176 | 3 |
| 2 | 6 | 190 | 82 | 6 | 190 | 6 | 31 |  |  | 190 | 0 |
| 3 | 6 | 205 | 93 | 6 | 205 | 6 | 8 |  |  | 205 | 0 |
| 4 | 6 | 227 | 116 | 6 | 227 | 6 | 7 |  |  | 227 | 0 |
| 5 | 5 | 227 | 107 | 5 | 227 | 5 | 5 |  |  | 227 | 0 |
| **Tổng** | **28** | **1025** | **481** | **28** | **1025** | **28** | **80** |  |  | **1025** | **0** |

***4.Chỉ tiêu về phổ cập:***

***\* Tiêu chí 1:***

- Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp: đạt 100%

- Phấn đấu trẻ 11 tuổi HTCTTH: 100%

- Số trẻ đến 14 tuổi HTCTTH : 98%

- Chống mù chữ, tái mù độ tuổi từ 15 - 35 tuổi: 0

***\* Tiêu chí 2 :*** Đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,5

***\* Tiêu chí 3: Cơ sở vật chất.***

- Phấn đấu giữ vững số lượng, chất lượng phòng học, bàn ghế đúng quy cách đủ 100%.

- Phấn đấu 100% các phòng chức năng có đủ trang thiết bị.

- Phấn đấu 100% các công trình khác có đủ điều kiện để phục vụ; phấn đấu giữ nhà vệ sinh sạch sẽ, thân thiện không mùi.

- Phấn đấu mua sắm nội thất văn phòng, khu hiệu bộ và trang thiết bị máy chiếu, vi tính cho phòng học và phòng bộ môn.

**4.Các biện pháp thực hiện:**

- Tiết kiệm chi tiêu để mua sắm tu sửa cơ sở vật chất nhỏ lẻ.

- Đầu tư mua bổ sung các thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy được tốt hơn.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Nhàn; Chức vụ: Hiệu trưởng; Lê Xuân Trọng; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.***

**VI. Công tác tư tưởng chính trị:**

**1. Tham gia bảo hiểm:**

**1.1**.Chỉ tiêu: **1. Tham gia bảo hiểm:**

Bảo hiểm y tế: 1025 học sinh; đạt 100%

Bảo hiểm thân thể: 1025 học sinh; đạt 100%

**1.2.Các biện pháp thực hiện:**

**-** Tuyên truyền vận động, nâng cao hiểu biết cho CMHS về tác dụng và ý nghĩa của Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể để được sự ủng hộ, đồng thuận của CMHS với nhà trường.

- Với những học sinh có hoàn cảnh quá khó khăn, nhà trường kêu gọi sự chung tay góp sức của tập thể giáo viên, nhân viên và các đoàn thể, các nhà hảo tâm.

- Giao chỉ tiêu cho giáo viên chủ nhiệm.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Nhàn; Chức vụ: Hiệu trưởng***

Bảo hiểm y tế: đạt 100% Bảo hiểm thân thể: đạt 100%

**2. Thực hiện các cuộc vận động:**

**2.1.Chỉ tiêu:**

- Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp UBMTTQ: Tham gia và thực hiện tốt 100%.

- Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với Hội chữ thập đỏ: Tham gia và thực hiện tốt 100%.

- Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với Liên đoàn Lao động: Tham gia và thực hiện tốt 100%.

- Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với Phòng LĐTBXH: Tham gia và thực hiện tốt 100%.

- Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với Phòng nội vụ: Tham gia và thực hiện tốt 100%.

- Các cuộc vận động và các phong trào chỉ đạo của Sở giáo dục: Tham gia và thực hiện tốt 100%.

**2.2.Các biện pháp thực hiện:**

- Triển khai tới toàn thể cán bộ giáo viên, học sinh kế hoạch các cuộc vận động do các cấp tổ chức và thực hiện tốt các cuộc vận động.

- Tuyên truyền để toàn thể giáo viên, nhân viên và học sinh thấy rõ ý nghĩa và ủng hộ quỹ như: Vì người nghèo, quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ biển đảo Việt Nam, Quỹ Phòng chống thiên tai, Quỹ Vì trẻ em; .....

- Làm tốt công tác Chữ thập đỏ; ủng hộ quỹ, tham gia hiến máu tình nguyện theo các đợt đảm bảo chỉ tiêu, đạt và vượt kế hoạch.

- Tổ chức tốt các phong trào do Liên đoàn Lao động huyện phát động. Tham gia đầy đủ và có chất lượng các Hội thi, các đợt quyên góp ủng hộ như Mái ấm công đoàn, ủng hộ trẻ em nghèo, ...

- Tổ chức tốt các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với Phòng LĐTBXH, thực hiện đúng, kịp thời chế độ cho học sinh thuộc diện chính sách.

- Triển khai tới giáo viên, nhân viên các cuộc thi như viết về làng nghề, viết về gương người tốt, việc tốt. Có thưởng thi đua cho các bài viết xuất sắc.

- Tổ chức Đêm hội trăng rằm với nhiều hoạt động vui nhộn, có ý nghĩa tới học sinh. Phát động Hội thi Giai điệu tuổi hồng tới tất cả các lớp và được các lớp tham gia với rất nhiều tiết mục. Liên đội bổ sung thêm thành viên vào đội văn nghệ của trường để tham gia các tiết mục do cấp trên tổ chức.

***Người phụ trách: Lê Xuân Trọng; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.***

**3. Công tác hoạt động ngoại khóa:**

**3.1. Chỉ tiêu:**

- Phối hợp với trung tâm kỹ năng sống Hồng Đăng tổ chức các chuyên đề giáo dục KNS tại trường cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường: 02 lần/năm.

**3.2. Các biện pháp thực hiện**

- Nhà trường đã bám sát các văn bản chỉ đạo, phân phối chương trình, tổ chức thực hiện hoạt động ngoại khóa một cách nghiêm túc có hiệu quả.

- Nội dung ngoại khóa: Bám sát chủ đề hoạt động của Hội đồng Đội huyện theo từng tháng, tổ chức sinh hoạt ngoại khóa theo chủ đề, chủ điểm.

- Tuyên truyền để phụ huynh học sinh thấy rõ vai trò, hiệu quả của hoạt động ngoại khóa.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Tuyến; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.***

**4. Công tác xây dựng trường học thân thiện:**

**4.1.Chỉ tiêu:**

Trường đạt xanh, sạch, đẹp

**4.2. Các biện pháp thực hiện:**

Tiếp tục thực hiện sáng tạo các nội dung của hoạt động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Đẩy mạnh các giải pháp nhằm xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện; đủ nhà vệ sinh sạch sẽ cho học sinh và giáo viên.

Đưa các nội dung giáo dục văn hóa truyền thống, tuyên truyền giáo dục về lịch sử địa phương, đặc biệt truyền thống của Thủ đô ngàn năm văn hiến. Nhà trường tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức các trò chơi dân gian, hoạt động tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp. Tiếp tục thực hiện giảng dạy bộ tài liệu “ Giáo dục nếp sống Thanh lịch - Văn minh cho học sinh Hà Nội”.

**5. Công tác phổ cập bơi**

**5.1.Chỉ tiêu:**

- Số lượng học sinh tham gia phổ cập bơi: 330 em; đạt 30%.

**5.2. Các biện pháp thực hiện:**

- Tuyên truyền việc cần thiết phải học bơi của học sinh để học sinh và phụ huynh hiểu.

- Ban chấp hành chi đoàn nhà trường phối hợp với Đoàn xã mở các lớp dạy bơi miễn phí cho học sinh, tại bể bơi Khu sinh thái 12 con giáp.

***Người phụ trách: Lê Xuân Trọng; Chức vụ: Phó hiệu trưởng***

**6. Công tác tham vấn học đường**

**6.1 Chỉ tiêu**

- Số phòng tham vấn học đường: 01

- Số người phụ trách tham vấn học đường: 10 (gồm BGH, TPT, nhân viên y tế và 5 tổ trưởng chuyên môn).

- Sổ ghi chép các nội dung tham vấn học đường: Có

- Sổ theo dõi danh sách các học sinh đề nghị tham vấn học đường: Có

**6.2. Các biện pháp thực hiện:**

- Tuyên truyền về tham vấn học đường.

- Phòng tham vấn học đường được trang trí sạch, đẹp, thân thiện.

- Các đồng chí tham vấn luôn tìm hiểu thông tin những học sinh đang có những rắc rối để tham vấn cho hiệu quả.

- Sổ sách ghi chép đầy đủ, chi tiết, phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi, hoàn cảnh của học sinh.

- Ghi chép đầy đủ, cập nhật thường xuyên, theo dõi quá trình những học sinh được tham vấn và có những biện pháp cụ thể với từng học sinh.

**7. Công tác pháp chế, cải cách hành chính**

**7.1. Chỉ tiêu**

- Kế hoạch, quyết định, minh chứng, lưu trữ khoa học: Có

- Hồ sơ các loại mảng pháp chế: Có

**\* Công tác CCHC:**

- Đủ hồ sơ theo quy định: Có

- Bảng công khai các thủ tục hành chính: Có

**\* Công tác văn thư lưu trữ:**

- Hồ sơ văn thư lưu trữ: Có

- Hồ sơ lưu trữ khoa học: Có.

**7.2. Các biện pháp thực hiện:**

- Tuyên truyền tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên những chỉ thị nghị quyết của Đảng; các văn bản quy định, hướng dẫn của Ngành, của cấp trên để 100% cán bộ giáo viên, nhân viên thực hiện đúng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Niêm yết công khai các văn bản, thủ tục hành chính. Các văn bản này được đăng tải lên Website, Cổng TTĐT của trường.

- Tuyên truyền tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên các văn bản quy định, hướng dẫn của Ngành, của cấp trên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

- Cập nhật đủ các loại hồ sơ theo quy định. Hệ thống các văn bản, giấy tờ theo đúng quy định. Các văn bản được sắp xếp khoa học, dễ thấy, dễ lấy.

- Thực hiện đúng chế độ báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo hướng dẫn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

**VII. Công tác bồi dưỡng đội ngũ**

**1.Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | | **Biên chế hợp đồng** | | **T**.độ lý luận | Đảng viên | **Trình độ đào tạo** | | | | **Cân đối** | |
| TS | Nữ | B/chế | H/đồng | Trên ĐH | ĐH | CĐ | TC | Thừa | Thiếu |
| **- Quản lý** | **03** | **02** | **03** | **0** | **03** | **03** | **0** | **03** | **0** | **0** |  |  |
| **- GV cơ bản** | **29** | **27** | **29** | **0** | **0** | **13** | **0** | **13** | **14** | **02** |  |  |
| **- GV C/biệt** | **10** | **10** | **10** | **0** | **01** | **09** | **0** | **05** | **05** | **0** |  |  |
| *Â.nhạc* | 02 | 02 | 02 | 0 | 0 | 02 | 0 | 01 | 01 | 0 |  |  |
| *M.thuật* | 02 | 02 | 02 | 0 | 0 | 02 | 0 | 01 | 01 | 0 |  |  |
| *Thể dục* | 02 | 02 | 02 | 0 | 0 | 01 | 0 | 02 | 0 | 0 |  |  |
| *T.Anh* | 03 | 03 | 02 | 0 | 0 | 03 | 0 | 0 | 03 | 0 |  |  |
| *Tin học* | 01 | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 01 | 0 | 0 |  |  |
| **- TPT đội** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |  | **1** |
| **- Nhân viên** | **08** | **08** | **04** | **04** | **0** | **04** | **0** | **02** | **02** | **04** |  |  |
| *Kế toán* | 01 | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 01 | 0 | 0 |  |  |
| *Văn thư* | 01 | 01 | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 | 01 | 0 | 0 |  |  |
| *Thư viện* | 01 | 01 | 0 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 01 |  |  |
| *TBị* | 01 | 01 | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 |  |  |
| *Y tế* | 01 | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 01 |  |  |
| *Thủ quỹ* | 01 | 01 | 0 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 01 | 0 |  |  |
| *Nhân viên khác* | 02 | 02 | 0 | 02 | 0 | 02 | 0 | 0 | 0 | 02 |  |  |
| **- Tổng số** | **50** | **47** | **46** | **04** | **04** | **29** | **0** | **23** | **21** | **06** |  |  |

**2. Chỉ tiêu phấn đấu về đội ngũ**

\* Công tác chuyên đề, SHCM, Đánh giá xếp loại giờ dạy.

- Chuyên đề: Tham gia dự chuyên đề và thực hiện chuyên đề đầy đủ theo quy định.

- Sinh hoạt chuyên môn: Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo quy định vào các tuần chẵn.

- Đánh giá xếp loại giờ dạy: Đánh giá, nhận xét xếp loại giờ dạy đột xuất, định kì.

**\*** Đánh giá xếp loại hồ sơ sổ sách giáo viên

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối**  **Lớp** | **XẾP LOẠI** | | | | | | | | |
| *Tốt* | *%* | *Khá* | *%* | *ĐYC* | *%* | *Chưa ĐYC* | *%* |
| ***1*** | 6 | 85.7 | 1 | 14.3 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***2*** | 7 | 87.5 | 1 | 12.5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***3*** | 7 | 87.5 | 1 | 12.5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***4*** | 6 | 85.7 | 1 | 14.3 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***5*** | 8 | 88.9 | 1 | 11.1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **CỘNG** | 34 | 87.2 | 5 | 12.8 | 0 | 0 | 0 | 0 |

\* Công tác Sáng kiến kinh nghiệm

Thành lập Hội đồng khoa học, tổ chức chấm, xét chọn SKKN theo đúng quy trình, quy định. Tổ chức đánh giá, xếp loại công tác SKKN đối với các cá nhân theo kế hoạch đề ra.

Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung công tác SKKN; tập trung nâng cao chất lượng, tăng cường phổ biến, áp dụng SKKN; tạo mọi điều kiện thuận lợi để công tác SKKN thực sự có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Thành lập Hội đồng khoa học cấp trường triển khai theo đúng hướng dẫn và gửi SKKN có chất lượng về Hội đồng khoa học cấp Huyện theo đúng tiến độ thời gian.

\* Chất lượng giáo viên:

- Chất lượng thi giáo viên giỏi: Đạt 01 giải Nhất và 01 giải nhì

- Chất lượng cuộc thi thiết kế bài giảng Elerning: Đạt 1 giải Nhất, 02giải nhì; 02 giải ba

- Chất lượng cuộc thi thiết kế bài giảng Stem: Đạt 1 giải nhì, 1 giải ba

- Chất lượng cuộc thi TDTT giáo viên: Đạt 1 giải Nhất.

**3. Chỉ tiêu cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện phát âm đúng L/N**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **TS lớp** | **Tổng số GV** | **Số CBQL, GV phát âm đúng** | **Tỷ lệ** | **Số CBQL, GV phát âm sai** | **Tỷ lệ** | **Số CBQL, GV viết đúng** | **Tỷ lệ** | **Số CBQL, GV viết sai** | **Tỷ lệ** | **Ghi chú** |
| CBQL |  | 3 | 3 | 100 | 0 | 0 | 3 | 100 | 0 | 0 |  |
| 1 | 5 | 7 | 7 | 100 | 0 | 0 | 7 | 100 | 0 | 0 |  |
| 2 | 6 | 8 | 8 | 100 | 0 | 0 | 8 | 100 | 0 | 0 |  |
| 3 | 6 | 8 | 8 | 100 | 0 | 0 | 8 | 100 | 0 | 0 |  |
| 4 | 5 | 7 | 7 | 100 | 0 | 0 | 7 | 100 | 0 | 0 |  |
| 5 | 6 | 9 | 9 | 100 | 0 | 0 | 9 | 100 | 0 | 0 |  |
| **Cộng** | **28** | **42375t giải ba cấp Thành phố: bản, chuyên biệt):** | **42** | **100** | **0** | **0** | **42** | **100** | **0** | **0** |  |

**4. Chỉ tiêu học sinh phát âm đúng phụ âm đầu L/N**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **TS lớp** | **Tổng số HS** | **Số HS phát âm đúng** | **Tỷ lệ** | **Số HS phát âm sai** | **Tỷ lệ** | **Số HS viết đúng** | **Tỷ lệ** | **Số HS viết sai** | **Tỷ lệ** | **Ghi chú** |
| 1 | 5 | 176 | 167 | 95% | 9 | 5% | 167 | 95% | 9 | 5% |  |
| 2 | 6 | 190 | 179 | 94% | 11 | 6% | 179 | 94% | 11 | 6% |  |
| 3 | 6 | 205 | 188 | 92% | 17 | 8% | 188 | 92% | 17 | 8% |  |
| 4 | 6 | 227 | 208 | 92% | 19 | 8% | 208 | 92% | 19 | 8% |  |
| 5 | 5 | 227 | 197 | 87% | 30 | 13% | 197 | 87% | 30 | 13% |  |
| **Cộng** | **28** | **1025** | **939** | 91,6 | **86** | **8,4** | **939** | 91,6 | **86** | **8,4** |  |

**5*.* Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp**

**5.1. Chỉ tiêu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại giáo viên | | | | | | | |
| Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 22 | 56.4 | 17 | 43.6 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**5.2. Các biện pháp thực hiện**

- Xây dựng kế hoach bồi dưỡng giáo viên hợp lý, phân công đúng việc đúng người, bồi dưỡng các chuyên đề theo nhu cầu của giáo viên, động viên giáo viên tích cực học hỏi đồng nghiệp, khai thác thông tin trên mạng phục vụ cho công tác tự nghiên cứu.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để giáo viên mang hết khả năng của mình vào giảng dạy, nghiên cứu giảng dạy.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Nhàn; Chức vụ: Hiệu trưởng; Nguyễn Thị Tuyến; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.***

**VIII. Công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua , khen thưởng**

**1.Về công tác kiểm tra**

- Kiểm tra toàn diện: 14 GV = 35.9%

- Kiểm tra chuyên đề: 100 %

- Kiểm tra thực hiện quy chế chấm chữa: 39 GV = 100%

- Kiểm tra giáo án, hồ sơ, sổ sách: 39 GV = 100% (2 lần/năm)

**2. Về công tác dự giờ**

- Dự giờ của hiệu trưởng: 39 GV = 39 tiết = 100%

- Dự giờ của hiệu phó 1 (chuyên môn): 39 GV = 59 tiết = 151.3 %

- Dự giờ của hiệu phó 2 (CSVC; HĐGDNGLL): 39 GV= 39 tiết =100 %

**2**. **Các biện pháp thực hiện.**

- Kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra hợp lý, đúng thời điểm và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- BGH tăng cường dự giờ đột xuất, kiểm tra hồ sơ giáo án của GV.

- Đổi mới công tác kiểm tra thiết thực, hiệu quả, đánh giá công bằng khách quan.

- Kiểm tra chuyên môn và quản lí chất lượng giáo dục. Tăng cường trật, tự kỉ cương, nề nếp nhà trường, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Có báo cáo, thông báo kết quả kiểm tra theo từng đợt.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Nhàn; Chức vụ: Hiệu trưởng; Nguyễn Thị Tuyến; Chức vụ: Phó hiệu trưởng; Lê Xuân Trọng; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.***

**3. Công tác thi đua, khen thưởng.**

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch thi đua khen thưởng; đưa ra các tiêu chí thi đua cho từng lớp, cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh.

**4. Các biện pháp thực hiện:**

**-** Ban giám hiệu nhà trường coi công tác thi đua khen thưởng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động giáo dục của nhà trường nên công tác thi đua được gắn với chuyên môn, các hoạt động giáo dục. Trong các đợt thi đua nhà trường luôn tổ chức khen thưởng cho CBGV và học sinh có thành tích đảm bảo công bằng, khách quan theo quy định.

**IX. Quản lý cơ sở vật chất**

1. **Chỉ tiêu về cơ sở vật chất:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Các hạng mục công trình | Số phòng hiện có | Diện tích ….. m2 | Số phòng đang xây mới | Số phòng còn thiếu nhưng đã có theo dự án được phê duyệt | Ghi chú |
| **A** | **Tổng diện tích nhà trường** |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích sân chơi |  | 2000m2 |  |  |  |
|  | Diện tích bãi tập |  | 150m2 |  |  |  |
| **B** | **Khối phòng hành chính quản trị** |  |  |  |  |  |
| 1 | Phòng Hiệu trưởng | 1 | 24m2 |  |  |  |
| 2 | Phòng Phó HT | 2 | 48m2 |  |  |  |
| 3 | Văn phòng | 1 | 24m2 |  |  |  |
| 4 | Phòng bảo vệ | 1 | 12m2 |  |  |  |
| 5 | Khu vệ sinh giáo viên | 2 | 24m2 |  |  |  |
| 6 | Khu để xe giáo viên | 1 | 110 m2 |  |  |  |
| **C** | **Khối phòng học tập** |  |  |  |  |  |
| 1 | Phòng học | 28 | 1400m2 |  |  |  |
| 2 | Phòng học bộ môn Âm nhạc | 1 | 60m2 |  |  |  |
| 3 | Phòng học bộ môn Mỹ thuật | 1 | 60m2 |  |  |  |
| 4 | Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ | 2 | 100m2 |  |  |  |
| 5 | Phòng học bộ môn Tin học | 2 | 100m2 |  |  |  |
| 6 | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ | 2 | 100m2 |  |  |  |
| 7 | Phòng đa chức năng | 2 | 100m2 |  |  |  |
| **D** | **Khối phòng hỗ trợ học tập** |  |  |  |  |  |
| 1 | Thư viện | 1 | 100m2 |  |  |  |
| 2 | Phòng thiết bị giáo dục | 1 | 50m2 |  |  |  |
| 3 | Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh KT | 1 | 24m2 |  |  |  |
| 4 | Phòng Đội Thiếu niên | 1 | 24m2 |  |  |  |
| 5 | Phòng truyền thống | 1 | 48m2 |  |  |  |
| **E** | **Khối phụ trợ** |  |  |  |  |  |
| 1 | Phòng họp | 1 | 72m2 |  |  |  |
| 2 | Phòng Y tế | 1 | 24m2 |  |  |  |
| 3 | Nhà kho | 1 | 50m2 |  |  |  |
| 4 | Khu để xe học sinh | 1 | 200m2 |  |  |  |
| 5 | Khu vệ sinh học sinh | 6 | 144m2 |  |  |  |
| 6 | Phòng nghỉ giáo viên | 3 | 96m2 |  |  |  |
| 7 | Phòng giáo viên 10 lớp 1 phòng | 1 | 48m2 |  |  |  |
| 8 | Khu sân chơi, thể dục thể thao | 1 | 1000m2 |  |  |  |
| 9 | Sân trường | 1 | 2000m2 |  |  |  |
| 10 | Sân thể dục thể thao | 1 | 150m2 |  |  |  |
| 11 | Nhà đa năng | 1 | 300m2 |  |  |  |
| **F** | **Khối phục vụ sinh hoạt** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhà bếp |  |  |  |  |  |
| 2 | Kho bếp |  |  |  |  |  |
| 3 | Nhà ăn |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhà ở nội trú |  |  |  |  |  |
| 5 | Phòng quản lý học sinh |  |  |  |  |  |
| 6 | Phòng sinh hoạt chung |  |  |  |  |  |

- Phấn đấu giữ vững số lượng, chất lượng phòng học, bàn ghế đúng quy cách đủ 100%.

- Phấn đấu 100% các phòng chức năng có đủ trang thiết bị.

- Phấn đấu 100% các công trình khác có đủ điều kiện để phục vụ; phấn đấu giữ nhà vệ sinh sạch sẽ, thân thiện không mùi.

- Phấn đấu mua sắm nội thất văn phòng, khu hiệu bộ và trang thiết bị máy chiếu, vi tính cho phòng học và phòng bộ môn.

- Tham mưu với cấp trên xây dựng thêm phòng học tiếng Anh, phòng học Âm nhạc, phòng Mĩ thuật, phòng Khoa học công nghệ.

**2. Các biện pháp thực hiện.**

- Tiết kiệm chi tiêu để mua sắm tu sửa cơ sở vật chất nhỏ lẻ.

- Kết hợp chặt chẽ với UBND xã tham mưu với cấp có thẩm quyền đẩy nhanh tiến độ mở rộng diện tích đất để nhà trường có đủ điều kiện đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II năm 2023.

**X. Công tác kiểm định, xây dựng trường chuẩn quốc gia**

**1. Chỉ tiêu:**

- Tự kiểm định chất lượng và phấn đấu đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II.

**2. Các biện pháp thực hiện.**

**-** Tiếp tục cập nhật các minh chứng, phân công rõ trách nhiệm cho người quản lý các minh chứng, lưu trữ hồ sơ khoa học, xây dựng rõ kế hoạch thực hiện theo từng tháng.

- Kết hợp chặt chẽ với UBND xã tham mưu với cấp có thẩm quyền đẩy nhanh tiến độ mở rộng diện tích đất để nhà trường có đủ điều kiện đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Nhàn; Chức vụ: Hiệu trưởng.***

**XI. Thực hiện phong trào “ Nhà trường chung tay phát triển- Thầy cô sẻ chia trách nhiệm”**

**1. Chỉ tiêu :**

- Nhà trường phát động phong trào Nhà trường chung tay phát triển-thầy cô sẻ chia trách nhiệm đến toàn thể cán bộ GVNV và học sinh.

**2. Các biện pháp thực hiện :**

- Cán bộ giáo viên nhân viên và phụ huynh, học sinh tham gia các hoạt động kết nối, chia sẻ kinh nghiệm dạy học nâng cao chất lượng đội ngũ, phát huy tinh thần trách nhiệm, giúp đỡ giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không để học sinh vì quá khó khăn phải nghỉ học.

**XII. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

1. **Chỉ tiêu:**

100% cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường được tập huấn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

**2. Các biện pháp thực hiện:**

- Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh tổ chức dạy học môn Tin học với học sinh lớp 3 (thời lượng 01 tiết/tuần) và Tin học tự chọn với học sinh khối 4; 5 và tăng cường tổ chức các cuộc thi trên mạng Internet cho học sinh lớp 1, lớp 2.

- Tham mưu với cơ quan có thẩm quyền xây dựng đề án, kế hoạch chuẩn bị tốt điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo được tập huấn, bồi dưỡng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo quy định.

**XIII. Giáo dục Stem và Giáo dục địa phương**

**1. Chỉ tiêu:**

100% giáo viên nhà trường sử dụng giáo dục Stem và giáo dục địa phương em trong một số bài học.

2. Các biện pháp thực hiện:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch, họp các tổ chuyên môn nghiên cứu hướng dẫn của sở giáo dục Hà Nội, phòng giáo dục Thanh Oai về giáo dục Stem sau đó họp giáo viên triển khai đồng bộ đến toàn thể CBGVNV và học sinh.

**XIV.Công tác thư viện:**

**1. Chỉ tiêu:**

- Năm học 2023 – 2024: Giữ vững danh hiệu: Thư viện Tiên tiến.

**-** Tiếp tục đầu tư sách và thiết bị thư viện, xã hội hóa giáo dục để đầu tư thêm sách, trang thiết bị vào thư viện.

- Đa dạng hóa các hoạt động trên thư viện.

- Nâng cao chất lượng đọc sách của cán bộ, giáo viên, học sinh.

- Có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên thư viện.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Tuyến; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.***

**2. Các biện pháp thực hiện:**

**-** Tiếp tục đầu tư sách và thiết bị thư viện, xã hội hóa giáo dục để đầu tư thêm sách, trang thiết bị vào thư viện.

- Đa dạng hóa các hoạt động trên thư viện.

- Nâng cao chất lượng đọc sách của cán bộ, giáo viên, học sinh.

- Có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên thư viện.

***Người phụ trách: Nguyễn Thị Tuyến; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.***

**XV. Kế hoạch công tác từng tháng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Công việc** | | **Người phụ trách** |
| **8/2023** | - Chuẩn bị các điều kiện về CSVC và các điều kiện để chuẩn bị cho HS đến trường.  - Chuẩn bị tốt ngày khai giảng năm học mới.  - Xây dựng một chuyên đề của nhà trường.  - Học bồi dưỡng chính trị hè 2023.  - Tổ chức thi lịch sử địa phương cấp trường và dự thi cấp huyện.  - Cấp phát sách vở cho học sinh.  - Phân công chuyên môn cho GV và xếp TKB  - Học nhiệm vụ năm học. | | - Đ/c Nhàn + Trọng  - BGH  - Đ/c Tuyến  - Đ/c Nhàn  - BGH + TPT + GV dạy âm nhạc.  - Đ/c Nhàn + Tuyến  - Đ/c Nhàn |
| **9/2023** | **Tuần 1:**  - Tổ chức tốt ngày Toàn dân đưa trẻ đến trường.  - Ổn định phân công chuyên môn, biên chế lớp cho học sinh.  - Học nội quy nhà trường.  - Khai giảng năm học mới  - Học tập nhiệm vụ năm học.  - Xây dựng các kế hoạch năm học.  - Học quy chế chuyên môn.  - Tuyên truyền HS Hưởng ứng tháng an toàn giao thông, đội mũ bảo hiểm...  - Tham dự chuyên đề Lịch sử và địa lí cấp thành phố tại huyện Thanh Oai  - Bồi dưỡng cho HS tham gia thi chữ đẹp tuổi thơ.  **Tuần 2:**  - Ký cam kết hưởng ứng các cuộc vận động của Ngành giáo dục.  - Tổ chức chuyên đề các môn, triển khai học giáo dục Stem từ lớp 1,2,3,4.  - Triển khai công tác phổ cập giáo dục.  - Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Duyệt Kế hoạch năm học với PGD  **Tuần 3:**  - Phát động thi đua theo chủ đề "Học tập và làm theo lời Bác Hồ dạy".  - Triển khai kế hoạch phòng chống nạn thương tích cho HS; chương trình Y tế học đường.  - Cập nhật phần mềm PCGDTH và tự kiểm tra đánh giá Phổ cập.  - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động giáo dục toàn diện của trường.  **Tuần 4:**  - Tổ chức hoạt động hưởng ứng tháng an toàn giao thông.  - Tổ chức HĐTT “Phòng chống tai nạn thương tích cho HS”  - Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Kiểm tra toàn diện 02 người  - Tự kiểm tra thư viện trường học  - Vòng sơ loại thi Đấu trường toán học. | | - Đ/c Nhàn  - Đ/c Nhàn + Tuyến  - BGH  - BGH  - BGH  - BGH  - Đ/c Tuyến  - Đ/c Trọng  - Đ/c Tuyến GV dạy lớp 4  - BGH  - Đ/c Nhàn  - Đ/c Tuyến  - Đ/c Tuyến  - Đ/c Trọng  - BGH  - BGH  - Đ/c Trọng  - Đ/c Trọng  - Đ/c Tuyến  - BGH + Trưởng các đoàn thể  - Đ/c Trọng + Ngân  - BGH  - BGH  - Đ/c Nhàn + Tuyến  - BGH + GVCN |
| **10/2023** | **Tuần 1 + 2:**  - Tổ chức hội nghị CNVC và NLĐ  - Khảo sát tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục.  - Tự kiểm tra đánh giá PCGD  - Hoàn thiện Hồ sơ PCGD  - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động giáo dục toàn diện.  - Tổ chức chuyên đề các môn  - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa GD tập thể cho học sinh.  - Tổng kết phong trào thi đua "Học và làm theo lời Bác Hồ dạy".  - Kiểm định chất lượng giáo dục.  - Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Tham dự chuyên đề cấp huyện  - Kiểm tra thư viện  **Tuần 3:**  - Nộp danh sách đăng kí thi đua với PGD  - Kiểm tra toàn diện 02 GV  - Tổ chức khám sức khỏe cho HS  - Nộp danh sách đăng kí danh hiệu thư viện  - Lưu trữ kiểm định chất lượng giáo dục.  - Tổ chức chuyên đề của 03 tổ.  - Tổ chức Hội giảng chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam.  **Tuần 4:**  - Hội giảng chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.  - Tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống cho học sinh.  - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động giáo dục toàn diện.  - Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Vòng sơ loại thi Đấu trường toán học, Vì một Thanh Oai giỏi tiếng Anh, Chữ đẹp. | | - BGH + BCH CĐ  - BGH  - BGH  - Đ/c Trọng  - Đ/c Tuyến  - BGH  - Đ/c Trọng  - BGH  - Đ/c Trọng + Trang  - Đ/c Nhàn + Tuyến  - BGH  - BGH  - Đ/c Tuyến  - BGH  - BGH + Ngân  - BGH + TTCM.  - BGH  - BGH + TTCM  - BGH + GV  - Đ/c Trọng + Trang  - BGH  - BGH + GVCN |
| **11/2023** | **Tuần 1 + 2:**  - Tổ chức các chuyên đề cấp tổ  - Tổ chức thao giảng (tiếp).  - Tổng kết đợt thi đua "Chào mừng cách mạng tháng 10".  - Phát động thi đua "Biết ơn thầy, cô giáo".  - KT giữa kì I môn Toán, TV lớp 4; 5  - Kiểm tra hồ sơ của 100% GV.  - Tổ chức các hoạt động GD kỉ niệm ngày lễ 20/11  - Tổ chức thi GVDG cấp trường  - Kiểm tra chuyên môn các tổ  **Tuần 3 + 4:**  - Tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.  - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động giáo dục toàn diện.  - Kiểm tra toàn diện 02 GV  - Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Vòng sơ loại thi Đấu trường toán học, Chữ đẹp. Triển khai chuyên đề giáo dục Stem | | - BGH + TTCM  - BGH  - Đ/c Trọng + Trang  - Đ/c Trọng + Trang  - BGH + GV tổ 4 + 5  - BGH  - BGH, GV dự thi  - BGH  - BGH, GV toàn trường  - BGH  - BGH  - BGH  - BGH + GVCN |
| **12/2023** | **Tuần 1 + 2:**  - Tổng kết đợt thi đua "Biết ơn thầy, cô giáo".  - Phát động phong trào thi đua "Em yêu đất nước Việt Nam". Em yêu anh Bộ đội Cụ Hồ.  - Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục HS kỉ niệm ngày 22/12.  - Kiểm định chất lượng GD  - Kiểm tra toàn diện 02 GV  ­- Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Duyệt phổ cập với PGD  **Tuần 3 + 4:**  - Tổ chức chuyên đề về chuyên môn.  - Kiểm tra đánh giá phong trào VSCĐ.  - Kiểm tra thư viện trường học  - Đón Ban giám khảo về chấm điểm thi GVDG cấp huyện.  - Tổng kết các phong trào thi đua.  - Tổ chức kỉ niệm ngày 22/12  - Vòng sơ loại thi Đấu trường toán học.  - Vòng sơ loại thi Chữ đẹp.  - Chọn những HS đủ điều kiện và có kết quả cao ở các vòng tự luyện tham gia giao lưu cấp trường. | | - Đ/c Trọng  - Đ/c Trang  - Đ/c Trọng + Trang  - Đ/c Nhàn + Dung  - BGH  - BGH  - Đ/c Trọng + Ngân  - Đ/c Tuyến  - BGH  - Đ/c Nhàn + Tuyến  - BGH + GV dự thi  - BGH  - Đ/c Trọng + Trang  - BGH + GVCN  - BGH + GVCN  - BGH + GVCN |
| **01/2024** | **Tuần 1 + 2:**  - Kiểm tra định kỳ cuối kỳ I (tuần 18).  - Nộp báo cáo HKI và cập nhật phần mềm trước 10/1/2023.  - Sơ kết HKI và triển khai nhiệm vụ học kỳ II.  - Tổ chức thi Đấu trường toán học, Chữ đẹp cấp trường.  **Tuần 3 + 4:**  - Kiểm tra toàn diện 02 GV.  - Phát động phong trào “Áo ấm tặng bạn”  - Kiểm tra đột xuất giáo viên | | - BGH  - Đ/c Trọng  - Đ/c Nhàn  - BGH  - BGH  - Đ/c Trang + GVCN  - BGH |
| **02/2024** | **Tuần 1 + 2:**  - Tổng kết phong trào thi đua "Học giỏi làm chăm, biết ơn Bác Hồ vĩ đại".  - Tham mưu với UBND xã kiện toàn BCĐ PCGD, xóa mù chữ  - Xây dựng kế hoạch PCGD – Xóa mù chữ năm 2023  **Tuần 3 + 4:**  - Kiểm định chất lượng  - Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Kiểm tra toàn diện 02 GV | | - Đ/c Trọng  Đ/c Nhàn + Trọng  - Đ/c Trọng  - BGH  - Đ/c Tuyến  - BGH |
| **Tháng 3/2024** | **Tuần 1 + 2:**  - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động giáo dục toàn diện.  - KTĐK giữa kì II môn Toán, TV lớp 4,5  - Tổng kết phong trào thi đua Tháng 01 + 02 phát động phong trào thi đua “Chào mừng ngày 8/3 và 26/3”.  - Kiểm tra chuyên môn các tổ | | - Đ/c Tuyến  - BGH  - Đ/c Trọng + Trang  - BGH |
|  | **Tuần 3 + 4:**  - Tổ chức chuyên đề các môn học.  - Đón đoàn kiểm tra thư viện của PGD  - Kiểm định chất lượng giáo dục  - Tổ chức tốt ngày 26/3  - Kiểm tra hồ sơ sổ sách của 100% GV  - Kiểm tra toàn diện 02 GV  - Tập huấn chuyên đề thay sách lớp 4.  - Chỉ đạo, rà soát thiết bị dạy học lớp 4, đề xuất mua sắm thiết bị dạy học lớp 4 | | - BGH  - BGH  - BGH  - BGH + Đ/c Trang  - BGH  - BGH  - BGH + GV dạy lớp 4  - BGH + GV dạy lớp 4 |
| **4/2024** | **Tuần 1 + 2:**  - Tổng kết chủ đề thi đua đã phát động trong tháng 3.  - Tham gia Giao lưu Rung chuông vàng cấp huyện.  - Tham gia Giao lưu Đấu trường toán học cấp huyện.  - Phát động phong trào thi đua chào mừng ngày 30/4.  - Kiểm tra đột xuất giáo viên  - Tổ chức chuyên đề SKKN  **Tuần 3 + 4:**  - Tổ chức ôn tập cuối năm củng cố kiến thức.  - Tổng kết số lượng học sinh năng khiếu của trường.  - Rà soát đối tượng trẻ sinh năm 2018 trên địa bàn xã để chuẩn bị cho tuyển sinh đầu cấp.  - Phát động thi đua chào mừng ngày sinh nhật Bác Hồ.  - Chấm SKKN cấp trường  - Tham gia Giao lưu Chữ đẹp cấp huyện  - Thi thiết kế bài học giáo dục Stem  - Lựa chọn SGK lớp 5  - Giao lưu học sinh tiểu học. | | - Đ/c Trọng  - BGH + GVCN + HS dự thi  - BGH + GVCN + HS dự thi  - Đ/c Trọng  - BGH  - Đ/c Tuyến  - Đ/c Tuyến + GV  - BGH + GVCN  - Đ/c Trọng + Ngân  - BGH + Trang  - BGH  - BGH + GVCN + HS dự thi  - BGH và các tổ trưởng chuyên môn |
| **5/2024** | **Tuần 1 + 2:**  - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động giáo dục toàn diện.  - Nộp SKKN về PGD  **-** Chỉ đạo ôn tập cuối năm cho học sinh.  - Kiểm tra định kỳ cuối kỳ II (tuần 35) các môn học.  - Kiểm định chất lượng giáo dục  - Đón đoàn Kiểm tra thư viện của TP  - Nộp hồ sơ đề nghị xét thi đua cấp TP và khen cao; Kiểm định chất lượng  - Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh nộp về PGD  **Tuần 3 + 4:**  - Tổ chức lễ kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5.  - Tổng kết các phong trào thi đua trong năm.  - Hoàn thiện công tác kiểm định chất lượng.  - Hoàn thành thông tin học sinh và cấp mã cho HS lớp 5  - Nộp báo cáo tổng kết trước 24/5.  - Tổng kết năm học 2023 - 2024.  - Phát thưởng cho học sinh  - Tổ chức bàn giao học sinh cho Đoàn Thanh niên xã.  - Bàn giao học sinh HT CTTH.  - XD kế hoạch hoạt động hè và kế hoạch. tuyển sinh năm 2024 – 2025. | | - Đ/c Tuyến  - Đ/c Tuyến  - BGH  - BGH + GV  - BGH + Dung  - BGH  - Đ/c Tuyến  - Đ/c Trọng  - Đ/c Trọng + Trang  - BGH  - BGH + Đ/c Dung  - Đ/c Tuyến+Dung  - BGH + GV, NV  - Đ/c Trọng + Dung  - BGH + NV  - Đ/c Trang  - Đ/c Trọng  - BGH |
| **6,7,8/2024** | - Duyệt thi đua.  - Thực hiện công tác điều tra PCGD – Xóa mù chữ.  - Kiểm tra hoạt động hè 2024.  - Tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024 – 2025.  - Tổ chức hoạt động hè cho học sinh.  - Tập huấn bồi dưỡng thường xuyên hè 2024  - Tập huấn chuyên đề thay sách lớp 5  - Kiểm tra cơ sở vật chất nhà trường.  - Bồi dưỡng tư tưởng, chính trị cho giáo viên.  - Chuẩn bị cho khai giảng năm học mới 2024 – 2025. | | - BGH  - Đ/c Trọng + Ngân  - BGH  - BGH  - Đ/c Trang  - BGH + GV toàn trường  - BGH + GV dạy lớp 5  - BGH  -BGH + GV toàn trường  - BGH + GV toàn trường |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT(để b/c)  - Các tổ, đoàn thể (để thực hiện)  - Lưu VT (Dung, 02) | | | *Thanh Oai, ngày 07 tháng 9 năm 2023* | | |
| *HIỆU TRƯỞNG* | | |
| **Nguyễn Thị Nhàn** | | |

*Thanh Oai, ngày tháng năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

#### KT.TRƯỞNG PHÒNG

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thị Anh Đào**

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO DƯƠNG**



**KẾ HOẠCH**

**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023 – 2024**

**Cao Dương, tháng 9 năm 2023**

**Cao Dương, tháng 9 năm 2021**

Tháng 9 năm 2017

**Ccao du**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Phòng GDĐT*(để báo cáo)* * Các tổ, đoàn thể *(để thực hiện)* * Lưu VT, …..ban | *Thanh Oai, ngày tháng 9 năm 2023* |
| HIỆU TRƯỞNG |
|  |